

Số: 2132/2014/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 08 tháng 7 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh giá bán nước sạch sinh hoạt do Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa sản xuất, cung cấp.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124 /2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2011 của Chính phủ về sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/05/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt; Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ: Bộ Tài chính – Bộ Xây dựng – Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Văn bản số 27/TB-MTTH ngày 24/6/2014 của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa thông báo kết quả phản biện xã hội về điều chỉnh giá bán nước sạch năm 2014;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1801/TTr-STC-QLCSGC ngày 30/5/2014 về việc đề nghị phê duyệt giá nước sạch sinh hoạt do Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa sản xuất, cung cấp năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh giá bán nước sạch sinh hoạt do Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hóa sản xuất, cung cấp; cụ thể như sau:

1. Giá bán nước sạch sinh hoạt:

| Số TT | Danh mục                      | Giá bán chưa có VAT<br>( đồng/m <sup>3</sup> ) |
|-------|-------------------------------|------------------------------------------------|
| 1     | Nước sạch SH các hộ dân cư    |                                                |
| +     | ≤ 10 m <sup>3</sup> /hộ/tháng | 5.400                                          |

| Số TT | Danh mục                                                                                                                            | Giá bán chưa có VAT điều chỉnh (đồng/m <sup>3</sup> ) |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| +     | >10 m <sup>3</sup> -20 m <sup>3</sup> /hộ/tháng                                                                                     | 6.600                                                 |
| +     | >20 m <sup>3</sup> -30 m <sup>3</sup> /hộ/tháng                                                                                     | 7.500                                                 |
| +     | >30 m <sup>3</sup> /hộ/tháng                                                                                                        | 10.500                                                |
| 2     | - Giá bán cho sinh viên ở ký túc xá tập trung;<br>- Sinh viên và người lao động thuê nhà để ở có thời hạn thuê từ 12 tháng trở lên. | 5.400                                                 |
| 3     | Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, LL vũ trang                                                                                   | 9.000                                                 |
| 4     | Hoạt động sản xuất vật chất                                                                                                         | 11.000                                                |
| 5     | Kinh doanh dịch vụ                                                                                                                  | 13.500                                                |

2. Thời điểm áp dụng: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2014.

**Điều 2:** Căn cứ Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật:

1. Công ty TNHH một thành viên cấp nước Thanh Hoá phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan tuyên truyền chủ trương của tỉnh về việc điều chỉnh giá nước sạch cho nhân dân, các tổ chức kinh tế, các đơn vị hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang thực hiện.

2. Các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa theo chức năng, nhiệm vụ được giao thường xuyên kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh và chấp hành nghĩa vụ tài chính của Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Thanh Hoá.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

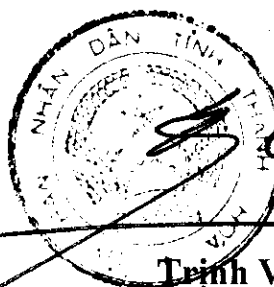
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTr Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ủy viên UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTT.

(QDCD 14-006)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trịnh Văn Chiến**